

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2020/HSST

Ngày: 16/01/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Trung Diên

- Bà Thiều Thị Phi Loan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Nhân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:*
Ông Đỗ Kim Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 608/2019/HSST ngày 06 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 02/01/2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy M.

Giới tính: Nam.

Sinh ngày 02 tháng 11 năm 1988 tại Q.

HKTT: Thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Q.

Nơi đã cư trú: 847/72/8C, tổ 43, khu phố 9, phường T, TP. B, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không.

Con ông: Nguyễn Đăng M, sinh năm 1960 (đã mất) và bà: Vũ Thị M, sinh năm 1964.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con lớn nhất và chưa có vợ, con.

Họ tên em: Nguyễn Thị M - sinh năm 1990.

Họ tên em: Nguyễn Đăng M - sinh năm 1992.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 20/09/2019 – Có mặt.

2. Nguyễn Văn S.

Giới tính: Nam.

Sinh ngày 06 tháng 9 năm 1988 tại Q.

HKTT: Thôn 1, xã T, huyện H, tỉnh Q.

Nơi đã cư trú: 847/72/8C, tổ 43, khu phố 9, phường T, TP. B, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 01/12 ; Nghề nghiệp: Không.

Con ông: Nguyễn Văn G, sinh năm 1961 và bà: Hoàng Thị V, sinh năm 1961.

Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con nhỏ nhất.

Họ tên chị: Nguyễn Thị T - sinh năm 1983.

Họ tên anh: Nguyễn Văn C - sinh năm 1985.

Họ tên chị: Nguyễn Thị H - sinh năm 1987.

Vợ: Hoàng Thị K, sinh năm 1990 (đã ly hôn năm 2010) ; Có 01 con Nguyễn Anh T, sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 20/09/2019 – Có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đỗ Thành C, sinh năm 1992 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 5A, Nguyễn Ái Q, KP.8, phường T, TP. B, Đ

2. Ông Bùi Ngọc Đ, sinh năm 1984– Vắng mặt.

Địa chỉ: 161, Phạm Văn T, phường T, TP. B, tỉnh Đ

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1986– Vắng mặt.

Địa chỉ: 51E1/99, KP.5B, phường T, TP. B, tỉnh Đ

4. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1995 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 5A, Nguyễn Ái Q, KP.8, phường T, TP. B, tỉnh Đ

5. Ông Nguyễn Phi K, sinh năm 1989 – Vắng mặt

Địa chỉ: 51E1/99, KP.10, phường H, TP. B, tỉnh Đ

6. Bà Trần Thị Hải Y, sinh năm 1975– Vắng mặt

Địa chỉ: 93A, phường T, huyện Đ, TX. D, tỉnh B.

7. Ông Nguyễn D, sinh năm 1990 – Vắng mặt

Địa chỉ: 8A/35, KP.12, phường H, TP. B, tỉnh Đ

8. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 235/80/5, KP.2, phường T, TP. B, tỉnh Đ

9. Ông Lương Văn M, sinh năm 1985 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

10. Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1982 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 138/A3, phường H, TP. B, tỉnh Đ.

11. Bà Trần Thị Mỹ A, sinh năm 1983 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 190D/6, tổ 35, KP.4, phường B, TP. B, tỉnh Đ

12. Bà Nguyễn Thùy D, sinh năm 1991 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 40/5, KP.6, phường T, TP. B, tỉnh Đ.

13. Bà Lê Thị T, sinh năm 1985 – Vắng mặt
Địa chỉ: Tổ 21, KP.4, phường A, TP. B, tỉnh Đ.
14. Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1988 – Vắng mặt
Địa chỉ: 10/1, KP.5, phường T, TP. B, tỉnh Đ.
15. Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1968 – Vắng mặt.
Địa chỉ: 4/35C, KP.7, phường T, TP. B, tỉnh Đ.
16. Ông Hoàng Hồng C, sinh năm 1983 – Vắng mặt.
Địa chỉ: H10/1/11A, KP.7, phường T, TP. B, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 02 năm 2019, đối tượng tên Đ (không rõ nhân thân) thuê Nguyễn Duy M có nhiệm vụ là đi cho vay tiền và thu tiền lãi trả góp hàng ngày của những người vay và trả lương cho M 6.000.000đ/tháng, M đồng ý và sử dụng số điện thoại thuê bao số 0939687101 của M in trên các tờ rơi có nội dung “cho vay tiền trả góp, giải ngân trong ngày”. Ngoài M ra còn có 02 người tên U, Đ1 (không rõ nhân thân) cũng làm cho Đ có nhiệm vụ là cho vay tiền và thu tiền lãi trả góp hàng ngày. M làm cho Đ được khoảng 10 ngày, thì Đ về thành phố H và giao lại toàn bộ việc cho vay và thu tiền trả góp cho M quản lý điều hành công việc hàng ngày. Tháng 02/2019, Nguyễn Văn S là bạn của M xin Đ vào làm cùng với M trong việc cho vay và thu tiền lãi hàng ngày, Đ đồng ý và trả lương cho S 6.000.000đ/tháng. Trước khi về thành phố H, Đ giao lại cho M khoảng 20 hợp đồng đang cho vay và 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền mặt để M tiếp tục đi cho vay, M phân công cho U và S đi cho vay và thu tiền ở khu vực thị xã D - tỉnh B, các phường T, A thuộc thành phố B, còn Đ đi cho vay và thu tiền ở khu vực phường H, T thuộc thành phố B và một số phường lân cận, M ở khu vực xã T - huyện V. Việc phân công phụ trách khu vực để cho vay lãi thu tiền góp chỉ mang tính chất tương đối, không rõ ràng, không cố định mà tùy thời điểm và theo yêu cầu của M và theo thỏa thuận của những người được phân công phụ trách khu vực này đến khu vực khác để cho vay và thu tiền góp. Nguyễn Văn S đi cho vay và thu tiền cho M từ tháng 02/2019 đến tháng 5/2019 thì xin nghỉ về quê. Đến tháng 8/2019, S tiếp tục vào và tham gia đi cùng M thu tiền góp 02 ngày, còn người tên Đ1 làm đến đầu tháng 9/2019 thì nghỉ. Trên các hợp đồng vay tiền có người tên C (không rõ nhân thân) là do C về quê nên đã bán lại cho M, sau này khách vay của C vay lại M vẫn lấy tên C để cho vay. Hàng ngày U, Đ1, S đi thu tiền trả góp về giao lại cho M quản lý, hàng tuần M báo lãi cho người tên D (không rõ nhân thân) là người làm cho Đ ở thành phố H, khi thu được khoảng 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), M chuyển một nửa số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) vào tài khoản 19029614797060 của Ngân hàng Techcombank cho người tên Vũ Thị Q (không rõ

nhân thân) ở thành phố H, tài khoản này D đưa cho M để chuyển tiền. Số tiền còn lại M để lại tiếp tục đi cho vay, khi các hợp đồng vay tiền đã trả xong M xé bỏ. Nguyễn Duy M cho vay lãi trả góp bằng hình thức sau:

- Trường hợp vay 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) thì ghi trên hợp đồng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và người vay phải trả 3.600.000 đồng (ba triệu, sáu trăm nghìn đồng), trả góp trong thời gian 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); người vay phải trả tiền phí làm hồ sơ 5% là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), đóng trước 01 ngày (ngày đầu) là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), nên người vay chỉ nhận được 2.700.000 (Hai triệu, bảy trăm nghìn đồng). Do đã đóng ngày đầu nên người vay chỉ phải trả góp trong thời gian 23 ngày cả gốc và lãi.

- Trường hợp vay 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) thì ghi trên hợp đồng là 5.000.000 (năm triệu đồng) và người vay phải trả 6.000.000 (sáu triệu đồng), trả góp trong thời gian 24 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng); người vay phải trả tiền phí làm hồ sơ 5% là 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng), đóng trước 01 ngày (ngày đầu) là 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng), nên người vay chỉ nhận được 4.500.000 đồng (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn). Do đã đóng ngày đầu nên người vay chỉ phải trả góp trong thời gian 23 ngày cả gốc và lãi.

- Trường hợp vay 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) thì ghi trên hợp đồng là 10.000.000 (mười triệu đồng) và người vay phải trả 12.000.000 (mười hai triệu đồng), trả góp trong thời gian 24 ngày, mỗi ngày 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng); người vay phải trả tiền phí làm hồ sơ 5% là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), đóng trước 01 ngày (ngày đầu) là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), nên người vay chỉ nhận được 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Do đã đóng ngày đầu nên người vay chỉ phải trả góp trong thời gian 23 ngày cả gốc và lãi.

- Trường hợp vay 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) thì ghi trên hợp đồng là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và người vay phải trả 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng), trả góp trong thời gian 24 ngày, mỗi ngày 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng); người vay phải trả tiền phí làm hồ sơ 5% là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), đóng trước 01 ngày (ngày đầu) là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), nên người vay chỉ nhận được 13.500.000 đồng (mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng). Do đã đóng ngày đầu nên người vay chỉ phải trả góp trong thời gian 23 ngày cả gốc và lãi.

- Trường hợp vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) thì ghi trên hợp đồng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và người vay phải trả 24.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), trả góp trong thời gian 24 ngày, mỗi ngày 1.000.000 đồng (một triệu đồng); người vay phải trả tiền phí làm hồ sơ 5% là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), đóng trước 01 ngày (ngày đầu) là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), nên người vay chỉ nhận được 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng). Do

đã đóng ngày đầu nên người vay chỉ phải trả góp trong thời gian 23 ngày cả gốc và lãi.

- Trường hợp vay 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) thì ghi trên hợp đồng là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu đồng) và người vay phải trả 30.000.000 (ba mươi triệu đồng), trả góp trong thời gian 24 ngày, mỗi ngày 1.250.000 đồng (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng); người vay phải trả tiền phí làm hồ sơ 5% là 1.250.000 đồng (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), đóng trước 01 ngày (ngày đầu) là 1.250.000 đồng (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), nên người vay chỉ nhận được 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Do đã đóng ngày đầu nên người vay chỉ phải trả góp trong thời gian 23 ngày cả gốc và lãi.

- Trường hợp vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) thì ghi trên hợp đồng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và người vay phải trả 36.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), trả góp trong thời gian 24 ngày, mỗi ngày 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng); người vay phải trả tiền phí làm hồ sơ 05% là 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng), đóng trước 01 ngày (ngày đầu) là 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng), nên người vay chỉ nhận được 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng). Do đã đóng ngày đầu nên người vay chỉ phải trả góp trong thời gian 23 ngày cả gốc và lãi.

- Trường hợp vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) thì ghi trên hợp đồng là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), trả góp trong thời gian 30 ngày, mỗi ngày 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); đóng trước 01 ngày (ngày đầu) là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng, nên người vay chỉ nhận được 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng). Do đã đóng ngày đầu nên người vay chỉ phải trả góp trong thời gian 29 ngày cả gốc và lãi.

Từ tháng 02/2019 đến ngày 19/9/2019, Nguyễn Duy M, Nguyễn Văn S và các đối tượng Đ, Đ1, U (không rõ nhân thân) đã cho nhiều người trên địa bàn thành phố B, huyện V thuộc tỉnh Đ và thị xã D, tỉnh B vay với lãi suất cao, thu lợi bất chính lớn. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã điều tra làm rõ được Nguyễn Duy M, Nguyễn Văn S đã cho 23 người vay với 36 hợp đồng vay, với tổng số tiền ghi trên hợp đồng là 640.800.000đ (sáu trăm bốn mươi triệu, tám trăm nghìn đồng). Cơ quan điều tra đã lấy lời khai được 20 người vay với 33 hợp đồng vay thì trong 33 hợp đồng vay này có 13 hợp đồng người vay chưa trả xong và 03 hợp đồng vay với tổng số tiền ghi trên hợp đồng là 29.200.000đ (hai mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng) do người vay không có mặt tại địa phương không làm việc được nên không đủ căn cứ kết luận. Còn lại 16 người vay với 20 hợp đồng vay thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã xác định tổng số tiền M, S và các đối tượng Đ, Đ1, U (không rõ nhân thân) cho vay là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), số tiền ghi trên hợp đồng là 378.600.000đ (ba trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng), số tiền khách phải trả là 412.000.000đ (bốn

trăm mười hai triệu đồng), số tiền khách nhận được là 341.150.000đ (ba trăm bốn mươi một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó tiền phí hồ sơ là 7.600.000đ (Bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng), tổng số tiền lãi thu được là 70.050.000đ (bảy mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng), với mức lãi suất thấp nhất là 8,77%/01 tháng tương đương 105,24%/01 năm, cao nhất là 41,57%/01 tháng tương đương 500,04%/01 năm, vượt gấp 05 lần mức lãi suất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, M, S và các đối tượng Đ, Đ1, U (không rõ nhân thân) đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 64.158.464đ (sáu mươi bốn triệu, một trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi bốn đồng). Cụ thể như sau:

-Ngày 19/6/2019, cho ông Đỗ Thành C vay số tiền 10.000.000đ, số tiền thực nhận là 9.500.000đ, số tiền phải trả là 12.000.000đ, mỗi ngày trả 500.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 2.372.320đ.

-Ngày 30/8/2019, cho ông Bùi Ngọc Đ vay số tiền 3.000.000đ, số tiền thực nhận là 2.850.000đ, số tiền phải trả là 3.600.000đ, mỗi ngày trả 150.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 711.696đ.

- Hợp đồng vay không ghi ngày cho bà Nguyễn Thị P vay số tiền 4.000.000đ, số tiền thực nhận là 3.600.000đ, số tiền phải trả là 4.800.000đ, mỗi ngày trả 150.000đ trong 24 ngày với lãi suất 34,72%/tháng, thu lợi bất chính 1.351.616đ.

-Ngày 31/8/2019, cho bà Đỗ Thị T vay số tiền 5.000.000đ, số tiền thực nhận là 4.750.000đ, số tiền phải trả là 6.000.000đ mỗi ngày trả 250.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 1.186.160đ.

- Tháng 7/2019, cho ông Nguyễn Phi K vay số tiền 15.000.000đ, số tiền thực nhận là 14.250.000đ, số tiền phải trả là 18.000.000đ, mỗi ngày trả 750.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 3.558.480đ.

-Ngày 22/02/2019, cho bà Trần Thị Hải Y vay số tiền 50.000.000đ, số tiền phải trả là 60.000.000đ, mỗi ngày trả lãi 1.500.000đ trong 40 ngày với lãi suất 15%/tháng, thu lợi bất chính 8.880.000đ.

-Ngày 04/7/2019, cho bà Trần Thị Hải Y vay số tiền 50.000.000đ, số tiền phải trả là 60.000.000đ, mỗi ngày trả lãi 1.500.000đ trong 40 ngày với lãi suất 15%/tháng, thu lợi bất chính 8.880.000đ

-Ngày 06/8/2019, cho bà Trần Thị Hải Y vay số tiền 50.000.000đ, số tiền phải trả là 60.000.000đ, mỗi ngày trả lãi 1.500.000đ trong 40 ngày với lãi suất 15%/tháng, thu lợi bất chính 8.880.000đ.

-Ngày 27/8/2019, cho bà Trần Thị Hải Y vay số tiền 50.000.000đ, số tiền phải trả là 60.000.000đ, mỗi ngày trả 1.500.000đ trong 30 ngày với lãi suất 20%/tháng, thu lợi bất chính 9.160.000đ.

-Ngày 10/8/2019, cho ông Nguyễn D vay số tiền 8.000.000đ, số tiền phải trả là 9.600.000đ mỗi ngày trả 400.000đ trong 24 ngày với lãi suất 25%/tháng, thu lợi bất chính 1.492.480đ.

-Ngày 01/6/2019, cho bà Nguyễn Thị Hồng T vay số tiền 18.000.000đ, số tiền phải trả là 20.000.000đ, mỗi ngày trả lãi 400.000đ trong 05 ngày với lãi suất 33,33%/tháng, thu lợi bất chính 1.949.600đ.

-Ngày 21/8/2019, cho bà Nguyễn Thị Hồng T vay số tiền 25.000.000đ, số tiền thực nhận 23.500.000đ, số tiền phải trả là 30.000.000đ mỗi ngày trả 1.000.000đ trong 30 ngày với lãi suất 17,02%/tháng, thu lợi bất chính 5.105.200đ.

-Ngày 26/6/2019, cho ông Lương Văn M vay số tiền 10.000.000đ, số tiền thực nhận 9.500.000đ, số tiền phải trả là 11.000.000đ trong 16 ngày với lãi suất 19,74%/tháng, thu lợi bất chính 1.414.880đ.

-Ngày 19/4/2019, cho bà Nguyễn Thị Thúy N vay số tiền 5.000.000đ, số tiền thực nhận 4.700.000đ, số tiền phải trả là 6.000.000đ mỗi ngày trả 250.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,6%/tháng, thu lợi bất chính 1.236.832đ.

-Ngày 06/5/2019, cho bà Trần Thị Mỹ A vay số tiền 15.000.000đ, số tiền thực nhận 14.250.000đ, số tiền phải trả là 16.000.000đ mỗi ngày trả 750.000đ trong 24 ngày với lãi suất 8,77%/tháng, thu lợi bất chính 1.558.480đ.

-Ngày 05/8/2019, cho bà Nguyễn Thị Thùy D vay số tiền 5.000.000đ, số tiền thực nhận 4.500.000đ, số tiền phải trả là 5.000.000đ mỗi ngày trả 1.250.000đ trong 04 ngày với lãi suất 41,67%/tháng, thu lợi bất chính 489.920đ.

-Ngày 20/6/2019, cho bà Lê Thị T vay số tiền 5.000.000đ, số tiền thực nhận 4.750.000đ, số tiền phải trả là 6.000.000đ mỗi ngày trả 250.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 1.186.160đ.

-Ngày 07/7/2019, cho bà Lê Thị T vay số tiền 5.000.000đ, số tiền thực nhận 4.750.000đ, số tiền phải trả là 6.000.000đ mỗi ngày trả 250.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 1.186.160đ.

- Tháng 8/2019, cho bà Lê Thị T vay số tiền 5.000.000đ, số tiền thực nhận 4.750.000đ, số tiền phải trả là 6.000.000đ mỗi ngày trả 250.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 1.186.160đ.

-Ngày 26/8/2019, cho ông Nguyễn Hoàng D vay số tiền 10.000.000đ, số tiền thực nhận 9.500.000đ, số tiền phải trả là 12.000.000đ mỗi ngày trả 500.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 2.372.320đ.

Vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 19/9/2019, Công an phường T, thành phố B kiểm tra nhà số: 847/72/8C, tổ 43, KP.9, phường T, thành phố B, tỉnh Đ phát hiện Nguyễn Duy M, Nguyễn Văn S và đối tượng tên U (không rõ nhân thân) không đăng ký tạm trú tại địa phương và trong nhà có nhiều đồ vật, tài liệu, hợp đồng có liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng nên Công an phường T đã lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để xác minh, làm rõ. Đến ngày 20/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã bắt, tạm giữ Nguyễn Duy M, Nguyễn Văn S để điều tra, xử lý về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, riêng đối tượng U đã bỏ trốn.

Vật chứng của vụ án thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Duy M gồm có:

- Số tiền 61.700.000 đồng (Sáu mươi một triệu, bảy trăm nghìn đồng).
- 06 kg tờ rơi cho vay tiền trả góp (lưu trong hồ sơ vụ án 03 tờ);
- 21 Hợp đồng vay tiền, lưu hồ sơ vụ án;
- Giấy tờ bản chính của người vay tiền: 04 Giấy đăng ký xe, 08 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ căn cước công dân, 04 sổ hộ khẩu + sổ tạm trú, 01 giấy khai sinh, 01 giấy phép lái xe.
- 16 cây sắt phi 34 dài 80 cm.
- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số: 66M1-423.16, số máy: JF66E0821742, số khung: RLHJF5812GY741999, của bà Huế (không rõ nhân thân) gửi.
- 01 xe mô tô Honda Vision biển số: 76C1-133.84, số máy: JF33E0162477, số khung: 3308CY162691 (đã qua sử dụng) do Nguyễn Văn S mượn của bà Lê Thị N nên Cơ quan điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bà Lê Thị Nga.
- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha biển số: 64D1-233.11, số máy: HC12E5596303, số khung: RLHHC1219DY596514 (đã qua sử dụng);
- 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển số: 61E1-434.98, số máy: 5C6K-129088, số khung: C6K0DY129074 (đã qua sử dụng);
- 01 điện thoại di động hiệu ASUS, số Imei: 355162091203561 của Nguyễn Duy M sử dụng để liên lạc trong việc cho vay lãi nặng;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA.1034, số Imei: 356004080538020 của Nguyễn Duy M sử dụng để liên lạc trong việc cho vay lãi nặng;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA.1010, số Imei: 358991094886924 (đã qua sử dụng) là của ai M không nhớ sử dụng để liên lạc trong việc cho vay lãi nặng;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA.1110, số Imei: 358889/07/632120/1 của U sử dụng để liên lạc trong việc cho vay lãi nặng;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA.1010, số Imei: 35418510139474 của U sử dụng để liên lạc trong việc cho vay lãi nặng;
- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, số Imei: 869604099135996 của Nguyễn Văn S không sử dụng để liên lạc trong việc cho vay lãi nặng;

Về trách nhiệm dân sự: Những người vay tiền không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã thu vượt quá quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 632/CT-VKSBH ngày 29/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Duy M và Nguyễn Văn S về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Duy M: Từ 20 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ
 - Nguyễn Văn S: Từ 16 tháng đến 20 tháng cải tạo không giam giữ
- Đồng thời phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 30.000.000đ- 40.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận trong thời gian từ tháng 02/2019 đến ngày 19/9/2019, Nguyễn Duy M, Nguyễn Văn S cùng với các đối tượng Đ, Đ1, U (không rõ nhân thân) đã cho nhiều người trên địa bàn thành phố B, huyện V thuộc tỉnh Đ và thị xã D, tỉnh B vay tiền với lãi suất cao, thu lợi bất chính lớn. Nguyễn Duy M, Nguyễn Văn S đã thực hiện 20 giao dịch dân sự cho 16 người vay với mức lãi suất thấp nhất là 8,77%/tháng tương đương 105,24%/01 năm, cao nhất là 41,57%/tháng tương đương 500,04%/01 năm, vượt gấp 05 lần mức lãi suất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Cụ thể như sau:

-Ngày 19/6/2019, cho ông Đỗ Thành C vay số tiền 10.000.000đ, số tiền thực nhận là 9.500.000đ, số tiền phải trả là 12.000.000đ, mỗi ngày trả 500.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 2.372.320đ.

-Ngày 30/8/2019, cho ông Bùi Ngọc Đ vay số tiền 3.000.000đ, số tiền thực nhận là 2.850.000đ, số tiền phải trả là 3.600.000đ, mỗi ngày trả 150.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 711.696đ.

- Hợp đồng vay không ghi ngày cho bà Nguyễn Thị P vay số tiền 4.000.000đ, số tiền thực nhận là 3.600.000đ, số tiền phải trả là 4.800.000đ, mỗi ngày trả 150.000đ trong 24 ngày với lãi suất 34,72%/tháng, thu lợi bất chính 1.351.616đ.

-Ngày 31/8/2019, cho bà Đỗ Thị T vay số tiền 5.000.000đ, số tiền thực nhận là 4.750.000đ, số tiền phải trả là 6.000.000đ mỗi ngày trả 250.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 1.186.160đ.

- Tháng 7/2019, cho ông Nguyễn Phi K vay số tiền 15.000.000đ, số tiền thực nhận là 14.250.000đ, số tiền phải trả là 18.000.000đ, mỗi ngày trả 750.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 3.558.480đ.

-Ngày 22/02/2019, cho bà Trần Thị Hải Y vay số tiền 50.000.000đ, số tiền phải trả là 60.000.000đ, mỗi ngày trả lãi 1.500.000đ trong 40 ngày với lãi suất 15%/tháng, thu lợi bất chính 8.880.000đ.

-Ngày 04/7/2019, cho bà Trần Thị Hải Y vay số tiền 50.000.000đ, số tiền phải trả là 60.000.000đ, mỗi ngày trả lãi 1.500.000đ trong 40 ngày với lãi suất 15%/tháng, thu lợi bất chính 8.880.000đ

-Ngày 06/8/2019, cho bà Trần Thị Hải Y vay số tiền 50.000.000đ, số tiền phải trả là 60.000.000đ, mỗi ngày trả lãi 1.500.000đ trong 40 ngày với lãi suất 15%/tháng, thu lợi bất chính 8.880.000đ.

-Ngày 27/8/2019, cho bà Trần Thị Hải Y vay số tiền 50.000.000đ, số tiền phải trả là 60.000.000đ, mỗi ngày trả 1.500.000đ trong 30 ngày với lãi suất 20%/tháng, thu lợi bất chính 9.160.000đ.

-Ngày 10/8/2019, cho ông Nguyễn D vay số tiền 8.000.000đ, số tiền phải trả là 9.600.000đ mỗi ngày trả 400.000đ trong 24 ngày với lãi suất 25%/tháng, thu lợi bất chính 1.492.480đ.

-Ngày 01/6/2019, cho bà Nguyễn Thị Hồng T vay số tiền 18.000.000đ, số tiền phải trả là 20.000.000đ, mỗi ngày trả lãi 400.000đ trong 05 ngày với lãi suất 33,33%/tháng, thu lợi bất chính 1.949.600đ.

-Ngày 21/8/2019, cho bà Nguyễn Thị Hồng T vay số tiền 25.000.000đ, số tiền thực nhận 23.500.000đ, số tiền phải trả là 30.000.000đ mỗi ngày trả 1.000.000đ trong 30 ngày với lãi suất 17,02%/tháng, thu lợi bất chính 5.105.200đ.

-Ngày 26/6/2019, cho ông Lương Văn M vay số tiền 10.000.000đ, số tiền thực nhận 9.500.000đ, số tiền phải trả là 11.000.000đ trong 16 ngày với lãi suất 19,74%/tháng, thu lợi bất chính 1.414.880đ.

-Ngày 19/4/2019, cho bà Nguyễn Thị Thúy N vay số tiền 5.000.000đ, số tiền thực nhận 4.700.000đ, số tiền phải trả là 6.000.000đ mỗi ngày trả 250.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,6%/tháng, thu lợi bất chính 1.236.832đ.

-Ngày 06/5/2019, cho bà Trần Thị Mỹ A vay số tiền 15.000.000đ, số tiền thực nhận 14.250.000đ, số tiền phải trả là 16.000.000đ mỗi ngày trả 750.000đ trong 24 ngày với lãi suất 8,77%/tháng, thu lợi bất chính 1.558.480đ.

-Ngày 05/8/2019, cho bà Nguyễn Thị Thùy D vay số tiền 5.000.000đ, số tiền thực nhận 4.500.000đ, số tiền phải trả là 5.000.000đ mỗi ngày trả 1.250.000đ trong 04 ngày với lãi suất 41,67%/tháng, thu lợi bất chính 489.920đ.

-Ngày 20/6/2019, cho bà Lê Thị T vay số tiền 5.000.000đ, số tiền thực nhận 4.750.000đ, số tiền phải trả là 6.000.000đ mỗi ngày trả 250.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 1.186.160đ.

-Ngày 07/7/2019, cho bà Lê Thị T vay số tiền 5.000.000đ, số tiền thực nhận 4.750.000đ, số tiền phải trả là 6.000.000đ mỗi ngày trả 250.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 1.186.160đ.

- Tháng 8/2019, cho bà Lê Thị T vay số tiền 5.000.000đ, số tiền thực nhận 4.750.000đ, số tiền phải trả là 6.000.000đ mỗi ngày trả 250.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 1.186.160đ.

-Ngày 26/8/2019, cho ông Nguyễn Hoàng D vay số tiền 10.000.000đ, số tiền thực nhận 9.500.000đ, số tiền phải trả là 12.000.000đ mỗi ngày trả 500.000đ trong 24 ngày với lãi suất 26,32%/tháng, thu lợi bất chính 2.372.320đ.

Như vậy các bị cáo cho vay với tổng số tiền ghi trên hợp đồng là 378.600.000đ (ba trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng) và đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 64.158.464 đồng (sáu mươi bốn triệu, một trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ. Như vậy đã có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Nguyễn Duy M và Nguyễn Văn S đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như cáo trạng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; không những đã xâm phạm chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà còn xâm phạm lợi ích của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm nhưng vì lợi nhuận các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội trong một thời gian dài và cho vay đối với nhiều người. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm và tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

- Xét tính chất đồng phạm, vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, với tính chất đồng phạm. Bị cáo Nguyễn Duy M là người trực tiếp thực hiện việc cho vay một cách tích cực nên phải chịu mức hình phạt cao hơn, còn bị cáo Nguyễn Văn S là người giúp sức tích cực cho bị cáo M nên cũng cần có mức hình phạt tương xứng.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, ấn định thời gian cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát và phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là phù hợp. Do hoàn cảnh gia đình các bị cáo hiện nay khó khăn nên không buộc các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ khấu trừ một phần thu nhập để sung công quỹ Nhà nước.

Do các bị cáo đang bị tạm giam nên thời gian tạm giam được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ với 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Những người đã vay tiền không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 64.158.464đ là tiền lãi vượt quá 20%/năm theo quy định pháp luật nên không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Buộc các bị cáo liên đới nộp lại số tiền 378.600.000đ (ba trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng) là số tiền đã sử dụng cho 16 người vay với 20 hợp đồng vay; số tiền 5.891.536đ (năm triệu tám trăm chín mươi một nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ tội phạm mà có; số tiền 7.600.000đ (bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) là số tiền thu phí, tổng cộng là 392.091.536đ, được trừ vào số tiền 61.700.000 đồng (sáu mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng) thu giữ theo biên lai thu tiền số ngày nên các bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 330.391.536đ (Ba trăm ba mươi triệu ba trăm chín mươi một ngàn năm trăm ba mươi sáu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy: 06 kg tờ rơi cho vay tiền trả góp (trừ 03 tờ rơi lưu trong hồ sơ vụ án); 16 cây sắt phi 34 dài 80 cm thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Duy M.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu ASUS, số Imei: 355162091203561, 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA.1034, số Imei: 356004080538020 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia TA.1010, số Imei: 358991094886924 của Nguyễn Duy M; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia TA.1110, số Imei: 358889/07/632120/1 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia TA.1010, số Imei: 35418510139474 của Ước là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu OPPO, số Imei: 869604099135996 cho Nguyễn Văn S để đảm bảo việc thi hành án.

- Đối với 01 xe mô tô Honda Vision biển số: 76C1-133.84, số máy: JF33E0162477, số khung: 3308CY162691 (đã qua sử dụng) do Nguyễn Văn S mượn của bà Lê Thị N, bà N không biết S sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bà Lê Thị N là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda vision biển số: 66M1-423.16, số máy: JF66E0821742, số khung: RLHJF5812GY741999; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha biển số: 64D1-233.11, số máy: HC12E5596303, số khung: RLHHC1219DY596514 và 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển số: 61E1-434.98, số máy: 5C6K-129088, số khung: C6K0DY129074, quá trình điều tra M khai là xe do Đ mua lại của người khác chưa sang tên, không có giấy tờ mua bán và để sử dụng làm phương tiện đi cho vay lãi và thu tiền lời, hiện chưa xác minh được nguồn gốc chủ sở hữu 03 xe trên nên tách ra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

- Đối với các Giấy tờ bản chính của người vay tiền gồm: 04 Giấy đăng ký xe, 08 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ căn cước công dân, 04 sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, 01 giấy khai sinh, 01 giấy phép lái xe hiện chưa làm việc được chủ sở hữu nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách ra xác minh làm rõ xử lý sau.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với các đối tượng có tên Đ, Ước, Đ1, C, D và Q (không rõ nhân thân) do chưa xác minh được lý lịch, hiện chưa làm việc được với các đối tượng này nên Cơ quan điều tra Công an thành phố B tách ra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với 03 người vay với 03 hợp đồng vay qua xác minh không có mặt tại địa phương, chưa làm việc được nên không đủ căn cứ để kết luận nên Cơ quan điều tra Công an thành phố B tách ra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điều 36; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy M và Nguyễn Văn S phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Xử phạt các bị cáo:

1. Nguyễn Duy M **18 tháng cải tạo không giam giữ**, được trừ đi thời gian đã bị giam giữ trước đó là 118 ngày giam giữ bằng 354 ngày cải tạo không giam giữ tương đương 11 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ, như vậy bị cáo còn phải chấp hành **06 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ**. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Q nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Duy M cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Nguyễn Văn S **14 tháng cải tạo không giam giữ**, được trừ đi thời gian đã bị giam giữ trước đó là 118 ngày giam giữ bằng 354 ngày cải tạo không giam giữ tương đương 11 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ, như vậy bị cáo còn phải chấp hành **02 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ**. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Q nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân nơi giám sát, giáo dục đồng ý bằng văn bản.

Các bị cáo Nguyễn Duy M và Nguyễn Văn S phải thực hiện những nghĩa vụ trong quá trình cải tạo không giam giữ tại địa phương theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự:

Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Duy M và Nguyễn Văn S mỗi bị cáo **30.000.000đ** (Ba mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do cho các bị cáo Nguyễn Duy M và Nguyễn Văn S ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Duy M và Nguyễn Văn S liên đới nộp lại số tiền 392.091.536đ (Ba trăm chín mươi hai triệu không trăm chín mươi một ngàn năm trăm ba mươi sáu đồng), được trừ vào số tiền **61.700.000 đồng** (sáu mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng) thu giữ theo biên lai thu tiền số 09836 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, các bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền **330.391.536đ** (Ba trăm ba mươi triệu ba trăm chín mươi một ngàn năm trăm ba mươi sáu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy: 06 kg tờ rơi cho vay tiền trả góp (trừ 03 tờ rơi lưu trong hồ sơ vụ án); 16 cây sắt phi 34 dài 80cm thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Duy M.

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu ASUS, số Imei: 355162091203561, 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA.1034, số Imei: 356004080538020 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia TA.1010, số Imei: 358991094886924 của Nguyễn Duy M; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia TA.1110, số Imei: 358889/07/632120/1 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia TA.1010, số Imei: 35418510139474 của U là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu OPPO, số Imei: 869604099135996 cho Nguyễn Văn S để đảm bảo việc thi hành án.

Các vật chứng trên được thu giữ tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự CATPBH;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo;
- Lưu.

Bùi Lan Hương